

Số: 1707-001/CV-CBTT.2025
V/v: CBTT BCTC quý 2 năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2025

Kính gửi: • ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
• SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Toà nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P.Tân Mỹ, TP.HCM

Điện thoại: (+84 28) 5413 8366

Fax: (+84 28) 5413 8370

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Tang, Shu-Chuan

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính (Riêng) quý 2 năm 2025.
- Báo cáo tài chính (hợp nhất) quý 2 năm 2025.
- Giải trình cho số liệu lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2025 trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý 2 năm 2025	Quý 2 Năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/ (giảm)
Lợi nhuận sau thuế mẹ	67.026.206	196.904.701	(129.878.495)	(66,0%)
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	3.321.543.329	3.798.166.013	(476.622.684)	(12,5%)

Trong quý 2 năm 2025, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ giảm 66,0%. Sự biến động trong kinh doanh này chủ yếu bắt nguồn từ việc giảm lãi suất ngân hàng, dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận giảm đáng kể.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cũng giảm 12,5%. Kết quả kinh doanh biến động chủ yếu bắt nguồn từ việc giảm doanh thu từ hoạt động tài chính so với kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo đó đã giảm tương ứng như thể hiện trong kết quả hoạt động kinh doanh kỳ.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt tại: <https://www.vbinvest.com.vn>, mục Cổ Đông phần Báo Cáo Công Bố.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ kèm theo:

Báo cáo tài chính (Riêng) và Báo cáo tài chính (Hợp nhất) quý 2 năm 2025;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
ĐẦU TƯ
NHÃN HIỆU
VIỆT
Bà Tang, Shu-Chuan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bảng cân đối kế toán

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		75,211,204,743	115,146,145,463
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	I.1	391,531,887	729,453,099
111	1. Tiền		391,531,887	729,453,099
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		34,000,000,000	34,000,000,000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	I.2	34,000,000,000	34,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		40,804,886,966	80,401,906,474
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	I.3	-	59,000,000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	I.4	40,804,886,966	80,342,906,474
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14,785,890	14,785,890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14,184,004	14,184,004
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	I.8	601,886	601,886
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		172,344,600,000	172,369,500,000
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	I.5	171,000,000,000	171,000,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		171,000,000,000	171,000,000,000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,344,600,000	1,369,500,000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	I.6	1,344,600,000	1,369,500,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		247,555,804,743	287,515,645,463
Mã số	NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		204,289,980	231,156,906
310	I. Nợ ngắn hạn		204,289,980	231,156,906
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		48,993,494	19,855,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	I.7	63,910,486	50,340,906
314	4. Phải trả người lao động		84,321,000	39,921,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	I.8	-	121,040,000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác		7,065,000	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	I.9	247,351,514,763	287,284,488,557
410	I. Vốn chủ sở hữu		247,351,514,763	287,284,488,557
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47,351,514,763	87,284,488,557
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47,284,488,557	87,181,838,937
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		67,026,206	102,649,620
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		247,555,804,743	287,515,645,463

Người lập biểu



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 17 Tháng 07 Năm 2025

Người đại diện theo pháp luật



Tang, Shu - Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	II.1	424,525,082	535,627,190	842,693,520	1,120,093,155
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	II.2	308,944,679	257,684,880	567,676,092	528,559,137
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		115,580,403	277,942,310	275,017,428	591,534,018
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác	II.3	25,438,116	25,449,147	50,338,116	55,764,147
40	13. Lợi nhuận khác		(25,438,116)	(25,449,147)	(50,338,116)	(55,764,147)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90,142,287	252,493,163	224,679,312	535,769,871
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		23,116,081	55,588,462	55,003,486	118,306,804
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		67,026,206	196,904,701	169,675,826	417,463,067
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	II.4				
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	II.4				

Người lập biểu



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Lợi nhuận trước thuế		224,679,312	535,769,871
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(842,693,520)	(1,112,504,093)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		-	-
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(842,693,520)	(1,112,504,093)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(618,014,208)	(576,734,222)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		40,000,000	(40,000,000,000)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		19,869,494	(81,158,000)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14,557,891	67,216,668
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(109,179,830)	(144,957,400)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(652,766,653)	(40,735,632,954)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(34,000,000,000)	(1,000,000,000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		33,000,000,000	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40,883,474,356	42,250,000,000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		39,883,474,356	41,250,000,000
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(40,000,000,000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40,000,000,000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(769,292,297)	514,367,046
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1,160,824,184	215,414,977
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	I.1	391,531,887	729,782,023

Người lập biểu

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

I. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1 Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	39,710,000	
Tiền gửi ngân hàng	351,821,887	729,453,099
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	391,531,887	729,453,099
2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	34,000,000,000	34,000,000,000
Cộng	34,000,000,000	34,000,000,000
3 Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn		
Bên liên quan	-	-
Phí Kiểm toán	-	59,000,000
Cộng	-	59,000,000
4 Phải thu ngắn/dài hạn khác		
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>		
Bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức cá nhân khác		
Lãi dự thu	749,863,006	326,027,394
Lợi nhuận từ công ty con	40,000,000,000	80,000,000,000
Phải thu khác	55,023,960	16,879,080
Cộng	40,804,886,966	80,342,906,474
5 Đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Cuộc sống mới	170,000,000,000	170,000,000,000
Công ty TNHH Phát triển và đầu tư Phú Lệ	1,000,000,000	1,000,000,000
Cộng	171,000,000,000	171,000,000,000
6 Chi phí trả trước		
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Công cụ dụng cụ;	-	-
Tiền thuê đất (*)	1,344,600,000	1,369,500,000
Cộng	1,344,600,000	1,369,500,000

(*) Đây là khoản thuê đất theo hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTNĐ.2018 ngày 25/12/2018 của bà Trương Thị Vân - Tổng giám đốc Công ty và chồng bà Vân đồng sở hữu tại khu đất: Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 54, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. HCM. Mục đích thuê đất: Làm nhà xưởng kinh doanh, văn phòng, hoặc nhu cầu khác của Công ty. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.

7 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chi tiết:	Đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31,887,406	-	23,116,081	(1)	55,003,486	-
Thuế thu nhập cá nhân	18,453,500	-	8,907,000	(18,453,500)	8,907,000	-
Các khoản phí, lệ phí khác	-	601,886	-	-	-	601,886
Cộng	50,340,906	601,886	32,023,081	(18,453,501)	63,910,486	601,886

8 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí kiểm toán	-	121,040,000
Cộng	-	121,040,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

9 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	200,000,000,000	87,181,838,937	287,181,838,937
Tăng trong kỳ trước	-	102,649,620	102,649,620
Lãi trong kỳ trước		102,649,620	102,649,620
Số dư cuối kỳ trước, đầu kỳ này	200,000,000,000	87,284,488,557	287,284,488,557
Tăng trong kỳ này	-	67,026,206	67,026,206
Lãi trong kỳ này		67,026,206	67,026,206
Giảm trong kỳ này	-	40,000,000,000	40,000,000,000
Chi trả cổ tức trong quý		40,000,000,000	40,000,000,000
Số dư cuối kỳ này	200,000,000,000	47,351,514,763	247,351,514,763

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn	Tỷ lệ	Vốn	Tỷ lệ
Công Ty Cổ Phần Phát triển Quang Thái	79,403,500,000	39.70%	79,403,500,000	39.70%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Đức	49,500,000,000	24.75%	49,500,000,000	24.75%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Thịnh	28,700,000,000	14.35%	28,700,000,000	14.35%
Các cổ đông khác	42,396,500,000	21.20%	42,396,500,000	21.20%
Cộng	200,000,000,000	100%	200,000,000,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phiếu		

II. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lãi tiền gửi	424,525,082	535,627,190
Cộng	424,525,082	535,627,190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên quản lý

Các chi phí khác

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
	238,665,000	195,332,166
	70,279,679	62,352,714
Cộng	308,944,679	257,684,880

3 Chi phí khác

Các khoản khác (*)

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
	25,438,116	25,449,147
Cộng	25,438,116	25,449,147

(*) Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ

4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt vì đây là Công ty mẹ. Căn cứ vào điểm 3.19, khoản 3, điều 113, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 17 Tháng 07 Năm 2025

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tang, Shu - Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc